

Bản án số: 295/2026/KDTM-PT
Ngày: 18/8/2026
V/v Tranh chấp về hợp đồng bảo hiểm.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thọ Viên

Các Thẩm phán:

Bà Mai Thị Thanh Tú

Bà Lưu Thị Đoan Trang

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Tâm Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Phùng Thị Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 18/8/2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 175/2026/TLPT-KDTM ngày 05 tháng 6 năm 2026 về việc: “Tranh chấp về hợp đồng bảo hiểm”.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 140/2025/KDTM-ST ngày 21 tháng 10 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực A, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 4634/2026/QĐPT-KDTM ngày 21 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Công ty Trách nhiệm hữu hạn Y; Địa chỉ: phường H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Vân A1 – Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Tiến D, sinh năm 1962. Địa chỉ: Đường M, phường S, Thành phố Hồ Chí Minh. (Theo Giấy ủy quyền số 07/QUQ/2015 ngày 07/01/2025)

- **Bị đơn:** Tổng Công ty Cổ phần B. Địa chỉ: Đường K, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Anh T – Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Đình Tuấn A2; Ông Phạm Trường D1. Địa chỉ liên hệ: Đường K, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh. (Theo Giấy ủy quyền số 1951/2025/BM/VP ngày 13/8/2025)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: **Công ty Trách nhiệm hữu hạn J**. Địa chỉ: phường O, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Trần K1** - Giám đốc.

- Người kháng cáo: **Tổng Công ty Cổ phần B**, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn Công ty TNHH Y có người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Tiến D trình bày:

Ngày 28/8/2018, Công ty TNHH Y (sau đây được gọi tắt là “*Nguyên đơn*”) ký Hợp đồng bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp số: LMX/01354257 (sau đây gọi tắt là “*Hợp đồng bảo hiểm*”) với Công ty L là công ty thành viên thuộc Tổng Công ty CP B (sau đây gọi tắt là “*Bị đơn*”). Tại Điều 1 Hợp đồng bảo hiểm nêu rõ: “*Bên B đồng ý nhận bảo hiểm đối với những trách nhiệm pháp lý mà Bên A phải thanh toán thiệt hại và chi phí khiếu nại mà Bên B chịu trách nhiệm pháp lý thanh toán cho các khiếu nại lần đầu tiên được thực hiện để kiện Bên A và thông báo cho Bên B. Những khiếu nại này phát sinh từ bất cứ hành động cấu tạo, lỗi hay thiếu sót nào của Bên A trong việc thực hiện hoặc không thực hiện được dịch vụ chuyên nghiệp của mình theo các điều kiện, điều khoản và nội dung bảo hiểm của Quy tắc bảo hiểm Trách nhiệm nghề nghiệp của Tổng Công ty CP B đính kèm hợp đồng*”.

Ngày 29/3/2019, Nguyên đơn ký Hợp đồng số: 03/N – Y (sau đây gọi tắt là “*Hợp đồng số 03*”) cung cấp dịch vụ bảo vệ cho Công ty CP P, địa chỉ: đường M, phường Y, quận E, Thành phố Hà Nội, theo đó nguyên đơn sẽ Bảo vệ mục tiêu, tài sản trong tầng G của TTTM N.

Quá trình thực hiện Hợp đồng số 03 ngày 27/5/2019, nguyên đơn nhận được thông báo về việc có kẻ gian đột nhập vào gian hàng J tại tầng G TTTM N lấy đi một số tài sản từ quầy hàng J (Gian hàng này thuộc Công ty TNHH J viết tắt là J thuê tại tầng G của TTTM N do Công ty CP P quản lý). Tổng giá trị tài sản theo kê khai của khách hàng bị mất: 1.485.214.000 đồng.

Ngay sau khi sự việc xảy ra, Nguyên đơn đã gửi Văn bản đến Công ty L phối hợp cho người xuống tham gia vào quá trình kiểm đếm tài sản, giám định hiện trường và trách nhiệm của hai bên, đồng thời báo cáo gửi các cơ quan liên quan theo đúng quy định.

Ngày 13/6/2019, Nguyên đơn tiếp tục gửi văn bản đến Công ty L về việc thông báo để Công ty nhanh chóng vào cuộc triển khai các quy trình và thủ tục cần thiết nhằm thực hiện trách nhiệm theo Hợp đồng bảo hiểm. Ngày 21/10/2019, Nguyên đơn đã làm việc với Đại diện Công an quận E về việc vụ mất trộm tài sản ngày 27/5/2019 tại gian hàng J (theo thông báo mất trộm của Công ty J).

Nguyên đơn đồng thời tích cực phối hợp cùng các bên liên quan tập hợp các tài liệu theo yêu cầu của Công ty L; tổ chức cuộc họp giữa các bên để đi đến

việc thống nhất số tiền đền bù cho khách hàng. Sau rất nhiều lần đàm phán với các bên và đã đạt được thỏa thuận giảm số tiền đền bù xuống rất nhiều so với danh sách liệt kê giá trị hàng hóa bị mất trộm của gian hàng J tại thời điểm đó.

Ngày 04/6/2020, nguyên đơn đã ký Biên bản thỏa thuận phương thức bồi thường giữa các bên trực tiếp là J với nội dung “*Y đồng ý chi trả bồi thường và J đồng ý nhận bồi thường thiệt hại liên quan đến sự cố mất trộm ngày 27/5/2019, tổng số tiền bồi thường là 984.282.200 đồng*”. Ngay sau khi nhận được hồ sơ đề nghị bồi thường nguyên đơn đã chuyển trả vào tài khoản do J cung cấp với số tiền: 984.282.200 đồng.

Sau khi hoàn tất việc chuyển tiền bồi thường đã được xác định cho bên thiệt hại, Nguyên đơn nhiều lần gửi văn bản kèm theo đầy đủ mọi chứng từ cần thiết theo đúng quy định của pháp luật, của hợp đồng giữa hai bên và yêu cầu Công ty L thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng bảo hiểm.

Ngày 14/12/2020, nguyên đơn tham gia cuộc họp với đại diện Công ty L và Công ty R (nhà giám định do Công ty L chỉ định), theo đó phía Công ty L cam kết rằng: “*B sẽ xem xét và có văn bản thông báo chính thức tới Y về kết quả xem xét giải quyết đối với khiếu nại này*”. Tuy nhiên, cho đến nay Nguyên đơn vẫn chưa nhận được bất kỳ phản hồi chính thức bằng văn bản về cách xử lý vụ việc và trách nhiệm bồi thường từ phía Công ty L, dẫn đến vụ việc kéo dài quá lâu.

Từ khi bắt đầu xảy ra việc mất trộm trên, nguyên đơn đã nộp toàn bộ tài liệu, chứng cứ cho công ty bảo hiểm và công ty giám định độc lập là Công ty R do Bị đơn chỉ định để tiến hành hoàn tất hồ sơ bảo hiểm, việc giao nhận được thể hiện tại “Biên bản bàn giao tài liệu” ngày 01/9/2019 giữa nguyên đơn và Công ty R. Tuy nhiên, cho đến nay, bị đơn vẫn không thực hiện nghĩa vụ của mình.

Vì vậy Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Buộc Bị đơn thanh toán cho Nguyên đơn số tiền 984.282.200 đồng mà Nguyên đơn đã thanh toán cho Công ty J.

2. Buộc Bị đơn thanh toán toàn bộ tổn thất thực tế liên quan bao gồm tất cả các tổn thất phát sinh ngoài khoản bồi thường cho khách hàng: Tiền lãi từ ngày 01/7/2019 đến ngày Tòa án xét xử vụ án với lãi suất 10%/năm do chậm trả tiền đền bù.

3. Buộc bị đơn bồi thường số tiền 500.000.000 đồng tiền tổn thất do mất khách hàng, làm thiệt hại uy tín và gây ảnh hưởng xấu đến thương hiệu của công ty đối với khách hàng.

Ngày 10/11/2024, nguyên đơn có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu 500.000.000 đồng tiền tổn thất do mất khách hàng, làm thiệt hại uy tín và gây ảnh hưởng xấu đến thương hiệu đối với khách hàng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi từ ngày 01/7/2019 đến ngày Tòa án xét xử vụ án với lãi suất 10%/năm do chậm trả tiền đền bù.

Đồng thời tại phiên tòa, nguyên đơn xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện: Nguyên đơn cho rằng, thiệt hại xảy ra đối với nguyên đơn lớn hơn rất nhiều so với số tiền 984.282.200 đồng mà nguyên đơn đã phải bồi thường cho Công ty J. Tuy nhiên, nguyên đơn không thể cung cấp được tài liệu chứng cứ nào khác để chứng minh giá trị các tài sản bị mất. Vì vậy nguyên đơn xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bị đơn thanh toán cho nguyên đơn chi phí bảo hiểm là số tiền được xác định theo bản kết luận định giá tài sản trong tổ tụng hình sự của Hội đồng định giá tài sản thuộc UBND quận E, Thành phố Hà Nội với số tiền định giá là 220.994.186 đồng.

Trong quá trình tố tụng, tại phiên tòa, Bị đơn Tổng Công ty CP B có người đại diện theo ủy quyền là ông Phạm Đình Tuấn A2 trình bày:

Ngày 28/8/2018, Công ty L là công ty thành viên thuộc Tổng Công ty CP B (sau đây gọi tắt là “Bị đơn”) ký Hợp đồng bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp số: LMX/01354257 (sau đây gọi tắt là “Hợp đồng bảo hiểm”) với Nguyên đơn, trong đó bao gồm nội dung cơ bản như sau:

Người được bảo hiểm: Công ty TNHH Y.

Phạm vi bảo hiểm: Bên B đồng ý nhận bảo hiểm đối với những trách nhiệm pháp lý mà Bên A phải thanh toán thiệt hại và chi phí khiếu nại mà Bên B chịu trách nhiệm pháp lý thanh toán cho các khiếu nại lần đầu tiên được thực hiện để kiện Bên A và được thông báo cho bên B. Những khiếu nại này được phát sinh từ bất cứ hành động cầu thả, lỗi hay thiếu sót nào của Bên A trong việc thực hiện hoặc không thực hiện được dịch vụ chuyên nghiệp của mình theo điều kiện, điều khoản và nội dung bảo hiểm của Quy tắc bảo hiểm Trách nhiệm nghề nghiệp của Tổng Công ty CP B đính kèm hợp đồng.

Thời hạn bảo hiểm: Từ 10 giờ 00 phút ngày 01/9/2018 đến 10 giờ 00 phút ngày 01/9/2019;

Giới hạn trách nhiệm: 500.000 USD/cả thời hạn bảo hiểm.

Điều kiện bảo hiểm: Quy tắc bảo hiểm Trách nhiệm nghề nghiệp của Tổng Công ty CP B đính kèm hợp đồng.

Ngày 27/5/2019, bị đơn nhận được thông tin báo mất đồ từ gian hàng J tầng G, bộ phận an ninh cùng các bộ phận liên quan thuộc Ban quản lý đã có mặt tại gian hàng J tầng G.

Trong cùng ngày Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận E đã có mặt tại hiện trường thực hiện công tác điều tra, lấy lời khai từ các bên liên quan.

Ngay sau khi phát sinh sự cố đại diện người được bảo hiểm đã tiến hành thông báo tổn thất tới Công ty L để cùng phối hợp giải quyết.

Bị đơn đã chỉ định Công ty TNHH R là đơn vị giám định độc lập.

Công ty Giám định R đã phối hợp cùng Nguyên đơn ghi nhận diễn biến, thông tin vụ việc và thu thập các hồ sơ có liên quan.

Ngày 22/10/2020, bị đơn đã có Công văn số 2099/2020-BM/TSKT về việc thông báo tiến độ giải quyết yêu cầu bồi thường bảo hiểm đối với vụ tổn thất tại

TTTTM N. Theo đó, bị đơn đã đề nghị nguyên đơn bổ sung các chứng từ bao gồm:

- Thông báo của cơ quan công an xác định nguyên nhân vụ việc.
- Hồ sơ chứng từ của bên thứ ba chứng minh số lượng/giá trị của tài sản bị mất.

Liên quan đến yêu cầu của Nguyên đơn yêu cầu bồi thường tổn thất:

Căn cứ Điều 6.2 Hợp đồng bảo hiểm quy định như sau:

“Hồ sơ yêu cầu bồi thường bao gồm các tài liệu sau:

Thông báo tổn thất (nêu sự việc tổn thất, nguyên nhân tổn thất, hậu quả tổn thất, các biện pháp hạn chế tổn thất mà Bên A đã áp dụng)

Biên bản giám định tổn thất

Biên bản công an, chính quyền địa phương (đặc biệt cần thiết trong các trường hợp nguyên nhân tổn thất chưa rõ ràng)

Hợp đồng bảo hiểm và đơn bảo hiểm gốc cùng các điều khoản sửa đổi bổ sung liên quan;

Hóa đơn thanh toán phí bảo hiểm

Hồ sơ, tài liệu, chứng minh tài sản bị tổn thất (bản copy Hóa đơn mua hàng, các loại định mức áp dụng..Bản chính sẽ được cung cấp đối chứng khi cần thiết..)”

Căn cứ khoản 1 Điều 5 Hợp đồng bảo hiểm quy định:

“5.1 Trách nhiệm Bên A

Khi xảy ra tổn thất thuộc phạm vi bảo hiểm, Bên A phải lập tức thông báo đến bên B trong vòng 48 giờ và thực hiện mọi biện pháp cần thiết và hợp lý nhằm giảm thiểu tổn thất. Phối hợp cùng Bên B thu thập chứng từ cùng các giấy tờ liên quan để giải quyết bồi thường”

Theo đó, trong trường hợp xảy ra tổn thất thì Nguyên đơn phải cung cấp được các tài liệu nêu trên để Bị đơn có cơ sở bồi thường cho Nguyên đơn.

Tuy nhiên, Nguyên đơn chỉ mới cung cấp được biên bản làm việc của cơ quan công an đây là vụ mất trộm; theo camera tại thời điểm xảy ra vụ việc, kẻ gian đã đột nhập vào cửa hàng kim hoàn trong Trung tâm thương mại N, lấy cắp tài sản của gian hàng.

Khi có đầy đủ các tài liệu chứng cứ như yêu cầu, Bị đơn sẽ xác định phạm vi bảo hiểm và tiến hành thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng bảo hiểm.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn đồng ý về giá do Hội đồng định giá tài sản thuộc UBND quận E, Thành phố Hà Nội với số tiền định giá là 220.994.186 đồng. Tuy nhiên, đến nay do vẫn chưa có kết luận cuối cùng của Công an về xác định nguyên nhân tổn thất là gì. Vì vậy, bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH J (gọi tắt là Công ty J) có đơn xin vắng mặt. Tại biên bản lấy lời khai ngày 23/6/2025 của Tòa án nhân dân quận O, Thành phố Hà Nội có ghi lời khai của ông Nguyễn Trần K1 là người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH J với nội dung như sau:

Liên quan đến vụ mất trộm tài sản xảy ra vào ngày 27/5/2019 tại Gian hàng Công ty TNHH J, tầng G Trung tâm thương mại N, KĐT Z, phường F, quận E, Thành phố Hà Nội đến thời điểm hiện tại không nhớ thiệt hại là bao nhiêu, đồng thời cũng không nhớ cụ thể số lượng, tên, loại tài sản bị mất, giá trị từng loại tài sản bị mất mà đề nghị xác minh bên Công an phường F, quận E, Thành phố Hà Nội.

Ông K1 xác nhận đã nhận được bồi thường số tiền là 984.282.200 đồng vào ngày 20/01/2020 từ Công ty CP P ủy nhiệm chi qua Ngân hàng BIDV chi nhánh C.

Đến ngày 30/6/2020, Công ty CP P nhờ phía công ty J chuyển lại đúng số tiền 984.282.200 đồng qua ủy nhiệm chi ngày 30/6/2020 tại Ngân hàng Vietcombank chi nhánh đường H, phường T, quận B, Thành phố Hà Nội. Sau đó thì Công ty J nhận được bồi thường đủ số tiền 984.282.200 đồng từ Công ty TNHH Y.

Đến nay Công ty J đã nhận đủ số tiền bồi thường 984.282.200 đồng rồi và không có ý kiến gì khác đồng thời xin vắng mặt toàn bộ quá trình giải quyết vụ án.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 140/2025/KDTM-ST ngày 21 tháng 10 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực A, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Y về yêu cầu bị đơn bồi thường 500.000.000 đồng tiền tổn thất do mất khách hàng, làm thiệt hại uy tín và gây ảnh hưởng xấu đến thương hiệu đối với khách hàng và yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi từ ngày 01/7/2019 đến ngày Tòa án xét xử vụ án với lãi suất 10%/năm do chậm trả tiền đền bù.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH Y.

Buộc Bị đơn Tổng Công ty CP B có nghĩa vụ bồi thường cho Công ty TNHH Y số tiền 220.994.186 đồng (Hai trăm hai mươi triệu chín trăm chín mươi bốn nghìn một trăm tám mươi sáu đồng).

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 306 Luật thương mại.

4. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: 11.049.700 đồng (Mười một triệu không trăm bốn mươi chín nghìn bảy trăm đồng), Tổng Công ty CP B chịu.

Hoàn trả lại cho Công ty TNHH Y số tiền 24.351.942 đồng (Hai mươi bốn triệu ba trăm năm mươi một nghìn chín trăm bốn mươi hai đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0046154 ngày 11/10/2023

và số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0046155 ngày 11/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận A (Nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực A, Thành phố Hồ Chí Minh).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của đương sự theo luật định.

Ngày 23/10/2025, bị đơn Tổng Công ty CP B kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị sửa bản án theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Nguyên đơn không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bị đơn; Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử và đương sự tại cấp phúc thẩm thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Tổng Công ty CP B. Bản án sơ thẩm giải quyết đúng căn cứ pháp luật, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn Tổng Công ty CP B làm trong hạn luật định nên chấp nhận.

[2] Xét đơn yêu cầu kháng cáo của bị đơn có đủ căn cứ để xác định:

[2.1] Ngày 10/11/2024, nguyên đơn có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu bồi thường 500.000.000 đồng tiền tổn thất do mất khách hàng, làm thiệt hại uy tín và gây ảnh hưởng xấu đến thương hiệu đối với khách hàng và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi từ ngày 01/7/2019 đến ngày Tòa án xét xử vụ án với lãi suất 10%/năm do chậm trả tiền đền bù.

Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng Dân sự đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện nguyên đơn đã rút là có căn cứ.

[2.2] Đối với yêu cầu kháng cáo của bị đơn không đồng ý bồi thường số tiền 220.994.186 đồng:

Ngày 28/8/2018, Công ty TNHH Y (sau đây được gọi tắt là Nguyên đơn) ký Hợp đồng bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp số: LMX/01354257 với Công ty L là công ty thành viên thuộc Tổng Công ty CP B. Như vậy hợp đồng bảo

hiểm được hai bên tự nguyện giao kết, đảm bảo các quy định của pháp luật về việc giao kết, thực hiện hợp đồng nên phát sinh hiệu lực, ràng buộc quyền và nghĩa vụ giữa các bên.

Nguyên đơn đã rút một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền 220.994.186 đồng là số tiền được xác định theo bản kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự. Bị đơn đồng ý về kết quả định giá của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự do Công an quận E, Thành phố Hà Nội cung cấp với số tiền định giá là 220.994.186 đồng. Tuy nhiên đến nay vẫn chưa có kết luận cuối cùng của Công an về xác định nguyên nhân tổn thất là gì. Vì vậy, bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Xét, theo hồ sơ điều tra hình sự do Công an quận E cung cấp, có đủ cơ sở xác định vụ trộm cắp tài sản xảy ra vào ngày 27/5/2019 tại gian hàng Công ty TNHH J, tầng G, Trung tâm thương mại N, phường F, quận E, Thành phố Hà Nội. Cơ quan điều tra đã ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự số 209/CQĐT(ĐTHTS) ngày 13/6/2019, sau đó có Quyết định tạm đình chỉ điều tra số 20 ngày 10/10/2019 vì chưa xác định được bị can. Do đó, có cơ sở xác định việc mất trộm tại gian hàng Công ty TNHH J do nguyên đơn có trách nhiệm làm bảo vệ là có thật và sự kiện bảo hiểm đã xảy ra.

Về giá trị thiệt hại: Nguyên đơn đã bồi thường cho công ty J số tiền 984.282.200 đồng và Công ty J cũng xác định đã nhận số tiền trên từ nguyên đơn sau khi sự việc mất trộm xảy ra. Tuy nhiên do không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh về giá trị tài sản bị tổn thất, nên tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn đã rút một phần yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền 220.994.186 đồng, là số tiền được xác định theo bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự của Hội đồng định giá tài sản thuộc UBND quận E, Thành phố Hà Nội. Bên bị đơn không có ý kiến về kết quả định giá tại Kết luận định giá tài sản số 274/KLĐGTST ngày 24/6/2019 trên. Do đó Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định giá trị bồi thường là 220.994.186 đồng là có cơ sở.

Căn cứ điểm c Điều 17 của Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2000, được sửa đổi, bổ sung năm 2010 quy định về nghĩa vụ của Doanh nghiệp bảo hiểm: “*Trả tiền bảo hiểm kịp thời cho người thụ hưởng hoặc bồi thường cho người được bảo hiểm khi xảy ra sự kiện bảo hiểm*”. Hội đồng xét xử sơ thẩm buộc bị đơn phải có nghĩa vụ bồi thường cho nguyên đơn số tiền 220.994.186 đồng là có căn cứ, nên giữ nguyên án sơ thẩm, kháng cáo của bị đơn là không có cơ sở nên không chấp nhận.

[3] Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Bị đơn phải chịu án phí phúc thẩm do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 148, Điều 293, Khoản 1 Điều 308, Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Tổng Công ty CP B.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm, xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Y về yêu cầu bị đơn bồi thường 500.000.000 đồng tiền tổn thất do mất khách hàng, làm thiệt hại uy tín và gây ảnh hưởng xấu đến thương hiệu đối với khách hàng và yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi từ ngày 01/7/2019 đến ngày Tòa án xét xử vụ án với lãi suất 10%/năm do chậm trả tiền đền bù.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH Y.

Buộc Bị đơn Tổng Công ty CP B có nghĩa vụ bồi thường cho Công ty TNHH Y số tiền 220.994.186 đồng (Hai trăm hai mươi triệu chín trăm chín mươi bốn nghìn một trăm tám mươi sáu đồng).

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 306 Luật thương mại.

4. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: 11.049.700 đồng (Mười một triệu không trăm bốn mươi chín nghìn bảy trăm đồng), Tổng Công ty CP B chịu.

Hoàn trả lại cho Công ty TNHH Y số tiền 24.351.942 đồng (Hai mươi bốn triệu ba trăm năm mươi một nghìn chín trăm bốn mươi hai đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0046154 ngày 11/10/2023 và số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0046155 ngày 11/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1 (Nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực A, Thành phố Hồ Chí Minh)

5. Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Tổng Công ty CP B phải chịu 2.000.000 (Hai triệu) đồng được trừ vào Biên lai thu Ký hiệu BLTU/25E số 0035895 ngày 07 tháng 11 năm 2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND tối cao;
- VKSND TP.HCM;
- THADS TP.HCM;
- TAND Khu vực A;
- Phòng THADS Khu vực A;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**



Lê Thọ Viên